

Số: **94** /TTr-UBND

Hải Dương, ngày **07** tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh ủy; cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2019

(Tài liệu trình tại kỳ họp thứ 8 - HĐND tỉnh khoá XVI)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Thông báo số 1138-TB/TU ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2019 và Công văn số 1455-CV/BTCTU ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về giao biên chế cho các cơ quan Đảng, MTTQ và các Đoàn thể CT-XH thuộc tỉnh năm 2019,

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 886/TTr-SNV ngày 07/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch biên chế công

chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ; cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2019, cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc xây dựng biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ; cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019

1. Việc xác định biên chế giao năm 2019 không được vượt quá chỉ tiêu biên chế công chức trong cơ quan hành chính theo Quyết định giao biên chế công chức và văn bản thẩm định số lượng người việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Nội vụ.

2. Đối với các tổ chức thành lập mới theo quy định của Chính phủ thì có thể xem xét bổ sung chỉ tiêu biên chế nhưng phải tự cân đối, điều chỉnh trong tổng biên chế của tỉnh được Bộ Nội vụ giao và thẩm định.

3. Thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình trong Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Thực hiện cắt giảm biên chế (ngoài biên chế tinh giản theo lộ trình Đề án tinh giản biên chế đã được phê duyệt) đối với những cơ quan, đơn vị do giảm đầu mối quản lý, giảm chức năng nhiệm vụ.

5. Đối với ngành Giáo dục - Đào tạo: Không giao tăng giáo viên do tăng lớp, tăng học sinh, sau khi tự rà soát sắp xếp bố trí từ nơi thừa sang nơi thiếu thực hiện tự cân đối trong ngành.

6. Đối với ngành Y tế: Các đơn vị sự nghiệp được giao tăng giường bệnh năm 2018 thì năm 2019 phê duyệt bổ sung biên chế bằng nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị.

7. Giữ ổn định biên chế của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Từ năm 2020, thực hiện khoán hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao theo quy định.

II. Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ; cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019

1. Biên chế công chức khối Đảng và cơ quan hành chính Nhà nước

1.1. Biên chế công chức trong tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ

- Biên chế giao năm 2018: **1.211** chỉ tiêu;
- Biên chế giao năm 2019: **1.185** chỉ tiêu (*giảm 26 chỉ tiêu so với năm 2018*);
(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

1.2. Biên chế công chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước

- Tổng số biên chế công chức HĐND tỉnh giao năm 2018 là: **2.007** chỉ tiêu;
- Tổng số biên chế công chức Bộ Nội vụ giao năm 2019:
Tổng số giao: **1.978** chỉ tiêu - **59** chỉ tiêu (chuyên Chi cục Quản lý thị trường bàn giao về Bộ Công Thương) = **1.919** chỉ tiêu;
- Tổng số biên chế công chức đề nghị HĐND tỉnh giao năm 2019 là: **1.919** chỉ tiêu.

*** Giảm 88 chỉ tiêu so với tỉnh giao năm 2018, trong đó:**

- Cắt giảm **59** chỉ tiêu tại Chi cục Quản lý thị trường về Bộ Công Thương;
- Thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là **28** chỉ tiêu;
- Giảm **05** chỉ tiêu do giảm đầu mối quản lý;
- Giao bổ sung mới **04** chỉ tiêu đối Trung tâm Phục vụ hành chính công (*do thành lập mới*) cân đối từ số biên chế giảm của các cơ quan do giảm đầu mối.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập khối Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

2.1. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập khối Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị - xã hội thuộc Tỉnh uỷ

- Tổng số giao năm 2018: **44** chỉ tiêu;
- Tổng số lượng người làm việc đề nghị giao năm 2019: **44** chỉ tiêu (*không tăng, không giảm*);

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

2.2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

- Tổng biên chế sự nghiệp giao năm 2018: **32.586** chỉ tiêu;
- Biên chế sự nghiệp giảm năm 2019: **453** chỉ tiêu;
- Biên chế sự nghiệp tăng năm 2019: **78** chỉ tiêu;
- Tổng biên chế sự nghiệp đề nghị giao năm 2019: **32.211** chỉ tiêu (*giảm 375 chỉ tiêu so với năm 2018*);

(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo).

3. Lao động hợp đồng theo Nghị định định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ

3.1. Đối với các cơ quan hành chính Nhà nước

- Tổng số giao năm 2018: **270** người;
- Tổng số đề nghị giao năm 2019: **227** người (giảm 43 người so với năm 2018), trong đó:
 - + Giảm 47 người tại Chi cục Quản lý thị trường chuyển về Bộ Công Thương;
 - + Thực hiện tinh giản theo Đề án tinh giản biên chế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: **01** người;
 - + Giao tăng là **05** người;

(Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo).

3.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số giao năm 2018: **446** người;
- Tổng số đề nghị giao năm 2019: **456** người (tăng 10 người so với năm 2018); trong đó:
 - + Số giảm: **04** người;
 - + Số tăng: **14** người.

(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định
(Có thuyết minh chi tiết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI;
- Lãnh đạo VP: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đại biểu mời dự;
- Các chuyên viên có liên quan;
- Lưu: VP, NC(180b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Tăng, giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị-xã hội thuộc Tỉnh uỷ; cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2019

(Kèm theo Tờ trình số: 94 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Biên chế công chức

1. *Biên chế hành chính trong tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị-xã hội thuộc Tỉnh uỷ (Phụ lục 01)*

- Biên chế giao đầu năm 2018: **1.211** chỉ tiêu;
- Biên chế công chức đề nghị giao năm 2019: **1.185** chỉ tiêu (giảm là 26 chỉ tiêu so với năm 2018) do thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình Đề án được duyệt và giảm 18 biên chế từ Đảng ủy khối doanh nghiệp chuyển sang các Ban Xây dựng Đảng và MTTQ.

2. *Biên chế công chức trong cơ quan hành chính Nhà nước (Phụ lục 2)*

- Tổng số biên chế công chức HĐND giao năm 2018 là: **2.007** chỉ tiêu.
- Tổng số biên chế công chức Bộ Nội vụ giao năm 2019:
Tổng số giao = **1.978** chỉ tiêu - **59** chỉ tiêu chuyển Chi cục Quản lý thị trường bàn giao về Bộ Công thương = **1.919** chỉ tiêu
- Tổng số biên chế công chức đề nghị HĐND tỉnh giao năm 2019 là: **1.919** chỉ tiêu.

* *Giảm 88 chỉ tiêu so với tỉnh giao năm 2018, trong đó:*

- Cắt giảm **59** chỉ tiêu tại Chi cục quản lý thị trường về Bộ Công thương.
- Thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là **28** chỉ tiêu.
- Giảm **05** chỉ tiêu do giảm đầu mỗi quản lý.
- Giao bổ sung mới **04** chỉ tiêu đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công (do thành lập mới), cân đối từ số biên chế giảm của các cơ quan do giảm đầu mỗi.

II. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

1. *Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập khối Đảng, MTTQ, đoàn thể chính trị-xã hội thuộc Tỉnh uỷ (Phụ lục 03)*

- Tổng số giao năm 2018: **44** chỉ tiêu;
- Tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị phê duyệt năm 2019: **44** chỉ tiêu (không tăng, không giảm).

2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (Phụ lục 04)

- Tổng biên chế sự nghiệp giao năm 2018: **32.586** chỉ tiêu (*Bộ Nội vụ thẩm định 33.299 chỉ tiêu*); thấp hơn chỉ tiêu Bộ Nội vụ thẩm định.

- Biên chế sự nghiệp giảm năm 2019: **453** chỉ tiêu

- Biên chế sự nghiệp tăng năm 2019: **78** chỉ tiêu

- Tổng biên chế sự nghiệp giao năm 2019: **32.211** chỉ tiêu (*giảm 375 chỉ tiêu so với năm 2018*)

2.1. Số giảm năm 2019: 453 chỉ tiêu, gồm:

- Giảm **442** chỉ tiêu do thực hiện tinh giản theo Đề án Tinh giản biên chế đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Giảm **11** chỉ tiêu do 02 đơn vị chuyển sang loại hình đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (*Tạp Chí Văn hóa: 06 người; Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch: 05 người*).

2.2. Số lượng người làm việc tăng năm 2019 là 78 chỉ tiêu; trong đó:

2.2.1. Đối với Trường Cao đẳng Y tế: 05 người

Năm 2017, Trường nâng cấp từ trường Trung cấp Y tế Hải Dương lên trường Cao đẳng; được bổ sung thêm mã ngành đào tạo Cao đẳng Dược và đào tạo Điều dưỡng, Hộ sinh trình độ Cao đẳng; số học sinh, sinh viên tăng lên từ 77 học sinh trung cấp năm 2016 - 2017, đến năm học 2017 - 2018 tăng lên 579 học sinh, sinh viên (*trong đó Trung cấp 51 học sinh, cao đẳng là 528 sinh viên*); thời gian đào tạo từ 02 năm hệ trung cấp lên 03 năm hệ cao đẳng nên số tiết tăng lên. Do đó bổ sung 05 biên chế cho các vị trí giảng viên dạy môn chuyên ngành.

2.2.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công: 04 người

Năm 2019, Trung tâm Phục vụ hành chính công đi vào hoạt động; theo Đề án dự kiến có 07 viên chức (*trong đó: Chuyển 03 chỉ tiêu viên chức đã giao năm 2018 từ Ban quản lý dự án Tòa nhà hành chính và giao thêm 04 chỉ tiêu*)

2.2.3. Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động: 18 người

Đề nghị chuyển số lượng 18 HẸLĐ của Trạm được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận (*theo Thông báo số 729-TB/TU ngày 08/12/2017 về việc kiện toàn Trạm Kiểm tra trọng tải xe lưu động tỉnh HD*) đang làm việc tại Trạm sang 18 biên chế viên chức vì theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 17/2014/TT-BGTVT ngày 27/05/2014 của Bộ GTVT và Thông tư số 06/2017/TT-BGTVT ngày 28/2/2017 của Bộ GTVT quy định các chức danh làm việc tại Trạm phải là viên chức

2.2.4. Trung Tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội: 07 người

Năm 2018, Trung tâm được giao số lượng người làm việc là 57 người (*trong đó: viên chức 43 người; hợp đồng lao động theo NĐ68/2000/NĐ-CP là 14 người*). Số đối tượng được giao và tiếp nhận tại Trung tâm hàng năm đều

tăng (năm 2015 là 128 đối tượng, năm 2016 là 135 đối tượng, năm 2017 là 141 đối tượng); tính đến thời điểm hiện tại, Trung tâm đang thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho 141 đối tượng (người già cô đơn: 28 người; người khuyết tật, tâm thần: 100 người; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi: 13 trẻ), năm 2019 giao 150 đối tượng.

Căn cứ định mức theo quy định tại Điều 5 Thông tư 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, để quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị và phục hồi chức năng cho 141 đối tượng trên, Trung tâm cần 138 người làm việc; trong khi năm 2018 đã được tỉnh giao 57 chỉ tiêu, mới đảm bảo 41,3% định mức. Như vậy, theo định mức biên chế quy định, Trung tâm cần được bổ sung 83 người làm việc mới đáp ứng được yêu cầu quản lý, chăm sóc 141 đối tượng.

Trung tâm đã đề nghị UBND tỉnh giao bổ sung thêm số lượng người làm việc năm 2019 là **10 người** theo Thông báo kết luận số 797-TB/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Bổ sung **07** chỉ tiêu viên chức để giải quyết vướng mắc trong việc thanh toán lương đối với **07 lao động hợp đồng** đang làm việc tại Trung tâm từ các năm trước.

2.2.5. Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội: 18 người

Năm 2018, Trung tâm được giao số lượng người làm việc là 198 người (trong đó: viên chức 172 người; hợp đồng lao động theo ND68/2000/ND-CP là 26 người). Số đối tượng được giao và tiếp nhận tại Trung tâm hàng năm đều tăng lên (năm 2015 là 340 đối tượng, năm 2016 là 373 đối tượng, năm 2017 là 385 đối tượng); tính đến thời điểm hiện tại, Trung tâm đang thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho 420 bệnh nhân tâm thần; năm 2019 được giao tiếp nhận 500 đối tượng.

Căn cứ định mức theo quy định tại Điều 5 Thông tư 33/2017/TT - LĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, để quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị và phục hồi chức năng cho 420 bệnh nhân tâm thần, Trung tâm cần 278 người làm việc; trong khi năm 2018 Trung tâm được giao 198 biên chế, bằng 71,2% định mức. Như vậy, theo định mức biên chế quy định, Trung tâm cần được bổ sung 80 người làm việc mới đáp ứng được yêu cầu quản lý, chăm sóc 420 bệnh nhân tâm thần.

Trung tâm đề nghị UBND tỉnh tăng thêm số lượng người làm việc cần thiết tại Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần NCC và xã hội Hải Dương năm 2019 là **30 người** theo Thông báo kết luận số 797-TB/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Bổ sung **18 chỉ tiêu viên chức** để giải quyết vướng mắc trong việc thanh toán lương đối với **18 lao động hợp đồng** đang làm việc tại Trung tâm.

2.2.6. Hội chữ thập đỏ cấp huyện:

Năm 2003 UBND tỉnh đã có Quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho các huyện, thị xã, thành phố 25 người. Tuy nhiên, từ năm 2004 đến 2018, hàng năm tỉnh chưa có Quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho từng huyện, thị xã, thành phố nên vướng mắc trong việc bố trí ngân sách và thanh toán lương đối với tổ chức Hội.

2.2.7. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh: 01 người

Thực hiện theo Thông báo 1262-TB/TU ngày 21/10/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý đề Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh tách ra thành một tổ chức xã hội độc lập và có 04 biên chế, trong đó có 02 người là cán bộ hưu trí, 02 người là chỉ tiêu công chức chuyển từ cơ quan UBMTTQ tỉnh sang (*Hiện tại 01 người đã nghỉ hưu, 01 người chuyển công tác khác*). Năm 2016, Ban Đại diện Hội người cao tuổi tỉnh thực hiện xét tuyển 01 viên chức theo quy định nhưng hiện tại UBND tỉnh chưa có Quyết định giao biên chế nên Ban đại diện HNCT tỉnh gặp khó khăn trong việc thanh toán lương đối với viên chức đã được tuyển dụng tại cơ quan. Đề nghị UBND tỉnh giao biên chế năm 2019 đối với Ban Đại diện HNCT tỉnh là 01 người.

III. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với các cơ quan hành chính (Phụ lục 05)

- Tổng số giao năm 2018 là 270 người.

- Tổng số giao năm 2019 là 227 người. Giảm 43 người; trong đó:

+ Giảm 47 người tại Chi cục quản lý thị trường chuyển về Bộ Công thương

+ Thực hiện tinh giản theo Đề án tinh giản biên chế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: 01 người

- Giao tăng 05 người (*Trung tâm Dịch vụ hành chính công 03; Sở Kế hoạch - Đầu tư 01 và UBND huyện Gia Lộc 01, làm tạp vụ*)

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (Phụ lục 06)

- Tổng số giao năm 2018: 446 người.

- Tổng số giao năm 2019: 456 người (*tăng 10 người*)

Trong đó: Tăng 14 người và giảm 04 người

Tăng:

+ Trung tâm Pháp y giao 02 (*do Trung tâm thành lập mới*), trong đó giao tăng 01 chỉ tiêu và điều chuyển 01 chỉ tiêu từ Bệnh viện Nhi sang;

+ Trung tâm Điều dưỡng người có công tăng 12 người để giải quyết tồn tại đối với 12 lao động hợp đồng chuyển từ nhà khách Hồ Côn Sơn theo Thông báo số 976-TB/TU ngày 18/10/2013 của Tỉnh ủy về việc tiếp nhận nguyên trạng cơ sở vật chất, tài sản vốn, quỹ, công nợ, cán bộ, lao động của nhà khách Hồ

Côn Sơn để thực hiện nhiệm vụ (*Số lao động hợp đồng này đã được hợp đồng nhiều năm từ trước năm 2013 do nhà khách Hồ Côn Sơn đã ký*)

+ Trạm kiểm tra trọng tải xe lưu động tỉnh Hải Dương: **01 người** (*hiện tại Trung tâm có 02 xe ô tô nhưng mới được giao 01 LDHD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, đề nghị giao bổ sung 01 người*)

Giám:

- Theo Đề án TGBC: **02 người** (*Bệnh viện Nhi: 01 người, Trung tâm Tư vấn và Điều trị nghiện ma túy: 01 người*);

- Tạp chí Văn hóa: **01 người** (*do đơn vị chuyển sang loại hình đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên*);

- Trường Đại học Hải Dương: **01 người** (*Đơn vị tự giám*).

IV. Đối với Các tổ chức Hội đã giao biên chế trước năm 2004 (để theo dõi quản lý theo Nghị định 45/2010/NĐ-CP):

Không tăng, không giảm (*mục VI Phụ lục 04 và mục VI Phụ lục 06*).

Phụ lục 01

**KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ, ĐOÀN THỂ TỈNH NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số: *34* /TTr-UBND ngày *07* tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao cuối năm 2018 (1)	Chỉ tiêu biên chế được bổ sung năm 2019 (2)	Biên chế tỉnh giảm năm 2019 (3)	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2019 (4)
1	Văn phòng Tỉnh ủy (bao gồm cả Thường trực Tỉnh ủy)	50	1	1	50
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	29	4	1	32
3	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	27	1	1	27
4	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	28	2	1	29
5	Ban Dân vận Tỉnh ủy	19	3	0	22
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	23	1	1	23
7	Trường Chính trị tỉnh	58	0	2	56
8	Báo Hải Dương	40	0	0	40
9	Ban Bảo vệ CSSKCB tỉnh	18	0	1	17
10	Ủy ban MTTQ tỉnh	22	1	0	23
11	Liên đoàn Lao động tỉnh	88	0	2	86
12	Hội LH Phụ nữ tỉnh	22	0	0	22
13	Tỉnh đoàn	30	0	1	29
14	Hội Nông dân tỉnh	20	0	0	20
15	Hội Cựu chiến binh tỉnh	13	0	0	13
16	Thành ủy Hải Dương	60	4	2	62
17	Thị ủy Chí Linh	59	0	1	58

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao cuối năm 2018 (1)	Chỉ tiêu biên chế được bổ sung năm 2019 (2)	Biên chế tinh giản năm 2019 (3)	Chỉ tiêu biên chế được giao năm 2019 (4)
18	Huyện uỷ Bình Giang	57	0	1	56
19	Huyện uỷ Cẩm Giàng	56	0	1	55
20	Huyện uỷ Kim Thành	57	0	1	56
21	Huyện uỷ Kinh Môn	57	0	1	56
22	Huyện uỷ Nam Sách	57	0	1	56
23	Huyện uỷ Thanh Hà	57	0	2	55
24	Huyện uỷ Ninh Giang	57	0	1	56
25	Huyện uỷ Thanh Miện	55	0	0	55
26	Huyện uỷ Gia Lộc	57	0	1	56
27	Huyện uỷ Tứ Kỳ	57	0	1	56
28	ĐU Khối Các cơ quan tỉnh	18	1	0	19
29	ĐU Khối Doanh nghiệp tỉnh	20	0	0	0
	Tổng	1.211	18	24	1.185

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số: 94 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2018	Biên chế giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng cộng	2.007	1.919	-88	Giảm 92, trong đó: 59 chuyển về BCT, 28 tinh giản, 05 giảm đầu mới; tăng 04 chỉ tiêu
I	Khối Sở, ngành	1.025	954	-71	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	25	24	-1	Đề án tinh giản biên chế
2	Văn phòng UBND tỉnh, trong đó	46	46	0	
-	Trung tâm phục vụ Hành chính công		4	4	Giao do thành lập mới
3	Thanh tra tỉnh	41	41		
4	Sở Tư pháp	24	23	-1	Đề án tinh giản biên chế
5	Sở Nội vụ, trong đó	57	54	-3	
-	Khối Văn phòng Sở	32	31	-1	Đề án tinh giản biên chế
-	Ban Tôn Giáo	9	8	-1	Đề án tinh giản biên chế
-	Ban Thi đua - Khen thưởng	9	8	-1	Đề án tinh giản biên chế
-	Chi cục Văn thư lưu trữ	7	7	0	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48	47	-1	Đề án tinh giản biên chế
7	Sở Tài chính	69	68	-1	Đề án tinh giản biên chế
8	Sở Công Thương	50	50		
-	Chi cục Quản lý thị trường	59	0	-59	59 Biên chế chuyển về Bộ Công Thương
9	Sở Y tế, trong đó	64	63	-1	
-	Khối Văn phòng Sở	34	34		
-	Chi cục An toàn VSTP	14	14		
-	Chi cục Dân số KHHGD	16	15	-1	Giảm 12 đầu mới quản lý
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	51	48	-3	01 tinh giản theo Đề án; 02 do giảm 24 đầu mới quản lý
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58	58		
12	Sở Giao thông Vận tải	47	47		
13	Sở Xây dựng	42	41	-1	Đề án tinh giản biên chế
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp	23	23		
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT, trong đó:	165	161	-4	
-	Khối Văn phòng Sở	30	29	-1	Đề án tinh giản biên chế

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2018	Biên chế giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
-	Chi cục Phát triển nông thôn	21	21		
-	Chi cục Điều tra và PCLB	21	20	-1	Đề án tinh giản biên chế
-	Chi cục Bảo vệ thực vật	16	15	-1	Giảm 12 đầu mỗi quản lý
-	Chi cục Thú y	17	16	-1	Giảm 12 đầu mỗi quản lý
-	Chi cục Kiểm lâm	34	34		
-	Chi cục Thủy lợi	9	9		
-	Chi cục Thủy sản	8	8		
-	Chi cục Quản lý CLNLS và TS	9	9		
16	Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó:	51	51		
-	Khối Văn phòng Sở	38	38		
-	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	13		
17	Sở Lao động - Thương binh và XH	52	52	0	
-	Khối Văn phòng Sở	44	44		
-	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	8	8		
18	Sở Khoa học và Công nghệ	32	32	0	
-	Khối Văn phòng Sở	20	20		
-	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL	12	12		
19	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21		
II	Khối Huyện	982	965	-17	
1	UBND Thành phố Hải Dương	105	105	0	
2	UBND Thị xã Chí Linh	92	90	-2	Đề án tinh giản biên chế
3	UBND huyện Nam Sách	77	75	-2	Đề án tinh giản biên chế
4	UBND huyện Kinh Môn	82	80	-2	Đề án tinh giản biên chế
5	UBND huyện Kim Thành	77	75	-2	Đề án tinh giản biên chế
6	UBND huyện Thanh Hà	79	78	-1	Đề án tinh giản biên chế
7	UBND huyện Gia Lộc	79	78	-1	Đề án tinh giản biên chế
8	UBND huyện Ninh Giang	79	77	-2	Đề án tinh giản biên chế
9	UBND huyện Tứ Kỳ	79	77	-2	Đề án tinh giản biên chế
10	UBND huyện Thanh Miện	77	77	0	
11	UBND huyện Bình Giang	79	77	-2	Đề án tinh giản biên chế
12	UBND huyện Cẩm Giàng	77	76	-1	Đề án tinh giản biên chế

Phụ lục 03

**BIÊN CHẾ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHỎI ĐẢNG,
ĐOÀN THỂ NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số: *94* /TTr-UBND ngày *07* tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu biên chế giao cuối năm 2018	Biên chế tinh giảm năm 2019	Số biên chế còn lại đến cuối năm 2019	Tăng giảm biên chế năm 2019 so với năm 2018
1	Nhà Thiếu nhi tỉnh trực thuộc Tỉnh Đoàn	21	0	21	0
2	Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân tỉnh	9	0	9	0
3	Trung tâm Tư vấn hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	3	0	3	0
4	Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên trực thuộc Tỉnh Đoàn	5	0	5	0
5	Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh	3	0	3	0
6	Nhà Văn hóa Lao động tỉnh thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh	3	0	3	0
	Tổng cộng	44	0	44	0

Phụ lục 04

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC TỈNH NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số: 34 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>	
	Tổng cộng	32586	32211	-375	
I	Giáo dục - Đào tạo	26356	26013	-343	
1	Trường Đại học, Cao đẳng	413	412	-1	
	Đại học Hải Dương	129	126	-3	
	Cao đẳng Hải Dương	177	174	-3	
	Cao đẳng Nghệ	59	59	0	
	Cao đẳng Y tế	48	53	5	
2	Trường Trung học chuyên nghiệp	44	44	0	
	Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và DL	44	44	0	
3	Trung tâm GDNN-GDTX	426	422	-4	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	36	36	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX TP Hải Dương	47	46	-1	
	Trung tâm GDNN-GDTX TX Chí Linh	28	28	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nam Sách	34	32	-2	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kinh Môn	35	34	-1	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Thành	26	26	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Hà	33	33	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Gia Lộc	31	31	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ninh Giang	37	37	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tứ Kỳ	40	40	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thanh Miện	29	29	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Giang	25	25	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cẩm Giàng	25	25	0	
4	Giáo dục phổ thông	17378	17158	-220	
	Trường THPT	1949	1949	0	
	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	123	123	0	
	Trường THPT Hồng Quang	88	88	0	
	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	60	60	0	
	Trường THPT Nguyễn Du	60	60	0	
	Trường THPT Cẩm Giàng	74	74	0	
	Trường THPT Tuệ Tĩnh	47	47	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Trường THPT Ninh Giang	87	87	0	
	Trường THPT Quang Trung	60	60	0	
	Trường THPT Cầu Xé	53	53	0	
	Trường THPT Tứ Kỳ	88	88	0	
	Trường THPT Thanh Hà	80	80	0	
	Trường THPT Hà Đông	53	53	0	
	Trường THPT Hà Bắc	53	53	0	
	Trường THPT Nam Sách	88	88	0	
	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	53	53	0	
	Trường THPT Kim Thành	80	80	0	
	Trường THPT Đông Gia	47	47	0	
	Trường THPT Kinh Môn	74	74	0	
	Trường THPT Phúc Thành	53	53	0	
	Trường THPT Nhị Chiểu	53	53	0	
	Trường THPT Chí Linh	88	88	0	
	Trường THPT Phả Lại	53	53	0	
	Trường THPT Bến Tắm	61	61	0	
	Trường THPT Thanh Miện	67	67	0	
	Trường THPT Thanh Miện II	53	53	0	
	Trường THPT Bình Giang	60	60	0	
	Trường THPT Kê Sặt	53	53	0	
	Trường THPT Đoàn Thượng	53	53	0	
	Trường THPT Gia Lộc	87	87	0	
	Các THPT chuyển công lập	718	718	0	
	Trường THPT Đường An	62	62	0	
	Trường THPT Cẩm Giàng II	66	62	-4	
	Trường THPT Trần Phú	58	55	-3	
	Trường THPT Gia Lộc II	64	62	-2	
	Trường THPT Nguyễn B-Khiêm	54	56	2	
	Trường THPT Kinh Môn II	64	69	5	
	Trường THPT Kim Thành II	58	62	4	
	Trường THPT Nam Sách II	56	56	0	
	Trường THPT Khúc Thừa Dụ	56	55	-1	
	Trường THPT Thanh Bình	62	62	0	
	Trường THPT Thanh Miện III	62	62	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Trường THPT Hưng Đạo	56	55	-1	
	Trường THCS	6548	6450	-98	
	Thành phố Hải Dương	687	679	-8	
	Thị xã Chí Linh	527	520	-7	
	Huyện Nam Sách	451	446	-5	
	Huyện Kinh Môn	627	616	-11	
	Huyện Kim Thành	453	446	-7	
	Huyện Thanh Hà	593	580	-13	
	Huyện Gia Lộc	573	566	-7	
	Huyện Ninh Giang	611	600	-11	
	Huyện Tứ Kỳ	621	616	-5	
	Huyện Thanh Miện	495	486	-9	
	Huyện Bình Giang	432	424	-8	
	Huyện Cẩm Giàng	478	471	-7	
	Trường Tiểu học	8163	8041	-122	
	Thành phố Hải Dương	1003	984	-19	
	Thị xã Chí Linh	674	661	-13	
	Huyện Nam Sách	549	544	-5	
	Huyện Kinh Môn	788	779	-9	
	Huyện Kim Thành	619	611	-8	
	Huyện Thanh Hà	662	647	-15	
	Huyện Gia Lộc	664	654	-10	
	Huyện Ninh Giang	682	670	-12	
	Huyện Tứ Kỳ	784	777	-7	
	Huyện Thanh Miện	565	556	-9	
	Huyện Bình Giang	520	514	-6	
	Huyện Cẩm Giàng	653	644	-9	
		8095	7977	-118	
5	Giáo dục Mầm non				
	Thành phố Hải Dương	682	675	-7	
	Thị xã Chí Linh	577	567	-10	
	Huyện Nam Sách	620	615	-5	
	Huyện Kinh Môn	807	794	-13	
	Huyện Kim Thành	688	678	-10	
	Huyện Thanh Hà	693	682	-11	
	Huyện Gia Lộc	771	754	-17	
	Huyện Ninh Giang	704	693	-11	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Huyện Tứ Kỳ	828	821	-7	
	Huyện Thanh Miện	558	550	-8	
	Huyện Bình Giang	563	555	-8	
	Huyện Cẩm Giàng	604	593	-11	
II	Y tế	4964	4883	-81	
1	Bệnh viện tuyến tỉnh	762	756	-6	
	Bệnh viện Tâm thần	157	154	-3	
	Bệnh viện Y học cổ truyền	217	214	-3	
	Bệnh viện Phong Chí Linh	32	32	0	
	Bệnh viện Nhi	303	303	0	
	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	53	53	0	
2	Y Tế dự phòng	4202	4127	-75	
	Trung tâm tuyến tỉnh	133	140	7	
	TT Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	29	29	0	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh HD	104	104	0	
	Trung tâm Pháp y tỉnh	0	7	7	
	Trung tâm tuyến huyện	4069	3987	-82	
	Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương	280	274	-6	
	Trung tâm Y tế huyện Nam Sách	310	303	-7	
	Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà	360	352	-8	
	Trung tâm Y tế huyện Kim Thành	321	317	-4	
	Trung tâm Y tế huyện Kinh Môn	432	423	-9	
	Trung tâm Y tế thị xã Chí Linh	373	366	-7	
	Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	384	374	-10	
	Trung tâm Y tế huyện Gia lộc	338	332	-6	
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang	378	370	-8	
	Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện	298	294	-4	
	Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	290	285	-5	
	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng	305	297	-8	
III	Sự nghiệp Văn hóa thông tin, TT&DL	296	282	-14	
1	Thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và DL	81	70	-11	
	Tạp chí Văn hóa	6	0	-6	
	Trung tâm ĐT, HL và thi đấu thể thao dưới nước	11	11	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	TT Đào tạo, Huấn luyện thể thao	47	47	0	
	Trung tâm Bóng bàn	12	12	0	
	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch	5	0	-5	
2	Thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố	215	212	-3	
	Thành phố Hải Dương	31	31	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin- Thể thao	10	10	0	
	Đài Phát thanh	18	18	0	
	Câu lạc bộ Nguyễn Trãi	3	3	0	
	Thị xã Chí Linh	27	26	-1	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	11	10	-1	
	Đài Phát thanh	11	11	0	
	Nhà thiếu nhi	5	5	0	
	Huyện Nam Sách	15	15	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	7	7	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Kinh Môn	18	17	-1	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	8	7	-1	
	Đài Phát thanh	10	10	0	
	Huyện Kim Thành	15	15	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	7	7	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Thanh Hà	16	16	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	8	8	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Gia Lộc	16	16	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	8	8	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Ninh Giang	16	15	-1	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	8	8	0	
	Đài Phát thanh	8	7	-1	
	Huyện Thanh Miện	16	16	0	
	Trung tâm Văn hóa, thông tin, Thể thao	8	8	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Tứ Kỳ	16	16	0	
	Trung tâm Văn hóa, thông tin, Thể thao	8	8	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
	Huyện Bình Giang	15	15	0	
	Trung tâm Văn hóa, thông tin, Thể thao	8	8	0	
	Đài Phát thanh	7	7	0	
	Huyện Cẩm Giàng	14	14	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	6	6	0	
	Đài Phát thanh	8	8	0	
IV	Sự nghiệp khác	934	991	57	
1	Thuộc sở, ngành	743	775	32	
	Văn phòng UBND tỉnh	17	21	4	
	Nhà khách UBND tỉnh	6	6	0	
	Trung tâm Công nghệ thông tin	8	8	0	
	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3	7	4	
	Sở Nội vụ	15	15	0	
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	15	15	0	
	Sở Giao thông - Vận tải	33	51	18	
	Thanh tra giao thông	10	10	0	
	Văn phòng Ban an toàn giao thông	5	5	0	
	Đăng kiểm kỹ thuật phương tiện thủy	4	4	0	
	Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh HD	14	32	18	
	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	143	141	-2	
	Các hạt quản lý đê huyện, thành phố	121	119	-2	
	Thành phố Hải Dương	12	12	0	
	Thị xã Chí Linh	11	10	-1	
	Huyện Nam Sách	16	15	-1	
	Huyện Kinh Môn	19	19	0	
	Huyện Kim Thành	18	18	0	
	Huyện Thanh Hà	19	19	0	
	Huyện Ninh Giang	7	7	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Huyện Tứ Kỳ	14	14	0	
	Huyện Thanh Miện	2	2	0	
	Huyện Cẩm Giàng	3	3	0	
	Ban quản lý rừng tỉnh Hải Dương	22	22	0	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	530	547	17	
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	45	44	-1	
	Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội	43	49	6	Đã trừ tính gián 01
	Trung tâm bảo trợ xã hội	110	108	-2	
	Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần NCC và xã hội	171	187	16	Đã trừ tính gián 02
	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương	77	76	-1	
	Trung tâm Quản lý sau cai nghiện ma túy	51	50	-1	
	Trung tâm Điều dưỡng người có công	33	33	0	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	0	-5	
	Trung tâm hợp tác Hải Dương - Viêng chăn	5		-5	
2	Thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố	191	216	25	
	Thành phố Hải Dương	50	52	2	
	Đội Quy tắc	22	22	0	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	13	13	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	15	15	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Thị xã Chí Linh	21	23	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	4	4	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12	12	0	
	Đội Quản lý trật tự Đô thị	5	5	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Nam Sách	11	13	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9	9	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Kinh Môn	11	14	3	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9	9	0	
	Hội Chữ thập đỏ		3	3	
	Huyện Kim Thành	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Thanh Hà	15	17	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	13	13	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Gia Lộc	11	13	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	9	9	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Ninh Giang	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Thanh Miện	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Tứ Kỳ	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Bình Giang	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
	Huyện Cẩm Giàng	12	14	2	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	2	2	0	

Số TT	Tên cơ quan đơn vị	Số lượng người làm việc giao năm 2018	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	10	10	0	
	Hội Chữ thập đỏ		2	2	
V	Các tổ chức khác sử dụng BCSN	36	42	6	
1	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	11	11	0	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	8	13	5	
	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4	4	0	
	Trung tâm hợp tác Hữu nghị	4	9	5	
3	Liên minh hợp tác xã	17	17	0	
4	Ban Đại diện HNCT tỉnh		1	1	
VI	Các tổ chức Hội đã giao biên chế trước năm 2004 (để theo dõi quản lý theo Nghị định 45/2010/NĐ-CP)				
		Số lượng người làm việc giao trước năm 2003	Số lượng người làm việc giao năm 2019	Tăng giảm năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Tổng cộng	39	39	0	
	Hội Chữ thập đỏ	12	12		
	Hội Văn học Nghệ thuật	11	11		
	Hội Đông y	6	6		
	Hội Người mù	3	3		
	Hội Nhà báo	5	5		
	Hội Khuyến học	1	1		
	Hội Luật gia	1	1		

Phụ lục 05

KẾ HOẠCH GIAO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC TỈNH NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số: 94 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Đơn vị	Biên chế HĐLĐ giao năm 2018	Biên chế HĐLĐ giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	1	2	3	4=3-2	5
	Khôi Sở và Huyện	270	227	-43	Giảm 43, trong đó: 47 chuyển về BCT, 01 tinh giản, tăng 05 người
I	Khôi sở, ban, ngành	200	156	-44	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	8	8		
2	Văn phòng UBND tỉnh	15	18	3	Tăng 03 do thành lập mới trung tâm Phục vụ hành chính công
3	Thanh tra tỉnh	3	3		
4	Sở Tư pháp	3	3		
5	Sở Nội vụ, trong đó:	11	11	0	
-	Khối Văn phòng Sở	4	4		
-	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	1	1		
-	Ban Tôn giáo	3	3		
-	Ban Thi đua - Khen thưởng	3	3		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	3	1	Tăng 01 người
7	Sở Tài chính	7	7		
8	Sở Công Thương	6	6		
-	Chi cục Quản lý thị trường	47	0	-47	Chuyển về Bộ Công Thương
9	Sở Y tế, trong đó:	12	12	0	
-	Khối Văn phòng Sở	4	4		
-	Chi cục Dân số-KHHGD	4	4		
-	Chi cục An toàn VSTP	4	4		
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	5		
11	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	6	6		
12	Sở Giao thông vận tải	11	11		
13	Sở Xây dựng	4	4		
14	Ban Quản lý các KCN	4	4		
15	Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó:	33	33	0	
-	Khối Văn phòng Sở	4	4		

ST T	Đơn vị	Biên chế HĐLĐ giao năm 2018	Biên chế HĐLĐ giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	<i>I</i>	2	3	4=3-2	5
-	Chi cục PTNT	2	2		
-	Chi cục QL Đê điều và PCLB	2	2		
-	Chi cục Bảo vệ thực vật	2	2		
-	Chi cục Thú y	2	2		
-	Chi cục Kiểm lâm	15	15		
-	Chi cục Thủy lợi	3	3		
-	Chi cục Thủy sản	1	1		
-	Chi cục QLCLNLS và TS	2	2		
16	Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó:	6	6	0	
-	Khối Văn phòng Sở	4	4		
-	Chi cục BVMT	2	2		
17	Sở Lao động - TB&XH, trong đó:	9	8	-1	
-	Khối Văn phòng Sở	7	6	-1	Đề án tinh giản biên chế
-	Chi cục Phòng chống TNXH	2	2		
18	Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó:	5	5	0	
-	Khối Văn phòng Sở	3	3		
-	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	2	2		
19	Sở Thông Tin và Truyền thông	3	3		
II	Khối cấp huyện	70	71	1	
1	Thành phố Hải Dương	8	8		
2	Thị xã Chí Linh	6	6		
3	Huyện Nam Sách	5	5		
4	Huyện Kinh Môn	7	7		
5	Huyện Kim Thành	6	6		
6	Huyện Thanh Hà	6	6		
7	Huyện Gia Lộc	4	5	1	Tăng 01 người
8	Huyện Ninh Giang	7	7		
9	Huyện Tứ Kỳ	5	5		
10	Huyện Thanh Miện	5	5		
11	Huyện Bình Giang	5	5		
12	Huyện Cẩm Giàng	6	6		

Phụ lục 06

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC TỈNH NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số: 94 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng LĐHD theo ND 68/2000/N Đ-CP giao năm 2018	Số lượng LĐHD theo ND 68/ND-CP giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>	
	Tổng cộng	446	456	10	
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	44	43	-1	
1	Trường Đại học, Cao đẳng	25	24	-1	
	Đại học Hải Dương	8	7	-1	
	Cao đẳng Y tế	5	5	0	
	Cao đẳng Hải Dương	7	7	0	
	Cao đẳng Nghề Hải Dương	5	5	0	
2	Trường Trung học chuyên nghiệp	4	4	0	
	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và DL	4	4	0	
3	Trung tâm GDTX, Dạy nghề	15	15	0	
	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	11	11	0	
	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Hải Dương	4	4	0	
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ	174	174	0	
1	Bệnh viện	63	61	-2	
	Bệnh viện Tâm thần	10	10	0	
	Bệnh viện Y học cổ truyền	11	11	0	
	Bệnh viện Phong Chí Linh	13	13	0	
	Bệnh viện Nhi	26	24	-2	
	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	3	3	0	
2	Y Tế dự phòng	111	113	2	
2,1	Trung tâm tuyến tỉnh	13	15	2	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	10	10	0	
	TT Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	3	3	0	
	Trung tâm Pháp y tỉnh	0	2	2	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng LĐHD theo ND 68/2000/NĐ-CP giao năm 2018	Số lượng LĐHD theo ND 68/NĐ-CP giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
2,2	Trung tâm tuyến huyện	98	98	0	
	Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Nam Sách	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà	7	7	0	
	Trung tâm Y tế huyện Kim Thành	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Kinh Môn	12	12	0	
	Trung tâm Y tế thị xã Chí Linh	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Gia lộc	7	7	0	
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	8	8	0	
	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng	8	8	0	
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN, THỂ THAO	29	28	-1	
	Tạp chí Văn hóa	1		-1	
	Trung tâm ĐT, HL và thi đấu thể thao dưới nước	9	9	0	
	TT Đào tạo, Huấn luyện thể thao	14	14	0	
	TT Bóng bàn	5	5	0	
IV	SỰ NGHIỆP KHÁC	189	199	10	
1	Sở Nông nghiệp và PTNN	3	3	0	
	Ban Quản lý rừng tỉnh Hải Dương	3	3	0	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	183	194	11	
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	11	11	0	
	Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội	14	14	0	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội	47	47	0	
	Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần NCC&XH HD	26	26	0	
	Cơ sở Cai nghiện ma túy	46	46	0	
	Trung tâm Tư vấn và Điều trị nghiện ma túy	26	25	-1	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/2000/N Đ-CP giao năm 2018	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/ND-CP giao năm 2019	Tăng (giảm) năm 2019 so với năm 2018	Ghi chú
	Trung tâm Điều dưỡng người có công	13	25	12	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	0	-2	
	Trung tâm hợp tác Hải Dương - Viên gạch	2		-2	
4	Sở Giao thông vận tải	1	2	1	
	Trạm kiểm tra trọng tải xe lưu động tỉnh HD	1	2	1	
V	Các tổ chức khác sử dụng BCSN	4	6	2	
1	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	2	2	0	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	1	3	2	
	TT Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	1	3	2	
3	Liên minh hợp tác xã	1	1	0	
VI	Các Tổ chức Hội giao BC trước năm 2004	6	6	0	
1	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	2	2	0	
2	Hội Văn học Nghệ thuật	1	1	0	
3	Hội Đông Y	2	2	0	
4	Hội Người mù	1	1	0	

